

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2023/HS-ST
Ngày: 14 - 08 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thanh Mai.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân.

2. Ông Lê Anh Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hiếu Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn C**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Tư Duy; Sinh ngày 06/12/2006, tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Phạm Văn T, sinh năm 1982; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 17/4/2023. (có mặt)

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 (mẹ ruột của bị cáo); Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn N, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Người bị hại: Nguyễn Hoàng Trọng P, sinh ngày 01/3/2007; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp. (vắng mặt)

- *Người đại diện theo pháp luật của bị hại:* Tổng Thị Kim M, sinh năm 1984 (mẹ ruột của bị hại); Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp. *(vắng mặt)*

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Bà Nguyễn Thị Kim C1, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp. *(Có mặt)*

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thi O, sinh năm: 1980, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp. *(có mặt)*

2. Phan Thị Thanh T2, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp. *(có mặt)*

3. Hồ H, sinh năm 2007, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 18/01/2023, Phạm Văn C, sinh ngày 06/12/2006 đi bộ từ nhà mẹ ruột là Nguyễn Thị T1 (cha mẹ C đã ly hôn) thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đến nhà cha ruột là Phạm Văn T cùng ngụ xã T. Khi đi ngang nhà anh Tổng Văn C2 thuộc ấp T, xã T, C phát hiện xe gắn máy biển số 64AC-096.85 của Nguyễn Hoàng Trọng P, sinh ngày 01/3/2007 (cháu anh C2) đậu trong sân nhà không người trông coi, chìa khóa còn gắn trên xe nên nảy sinh ý định lấy trộm làm phương tiện đi lại. Sau khi lấy trộm, C chạy xe đến nhà bạn là Nguyễn Thị Bích N1 thuộc ấp T, xã T rồi cùng N1 đến thị xã B, tỉnh Vĩnh Long chơi. Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, C điều khiển xe gắn máy về nhà cha ruột là anh T, thì gặp chị Nguyễn Thị O1 (vợ hiện tại của anh T), C nói với chị O1 cho C gửi xe, đồng thời mượn xe của chị O1 về nhà mẹ ruột nhưng chị Phan Thị Thanh T2 (vợ chú ruột của C) nhà kế bên không cho mượn mà chị T2 chở C về. Sau khi chở C về, do nghi ngờ xe Của lấy trộm của người khác nên chị T2 kêu chị O1 đến công an xã T giao nộp xe.

Do sau khi bị mất xe, bạn của P là Hồ H phát hiện C chạy xe của P nên thông báo cho P biết trình báo Cơ quan Công an. Sau khi C về nhà thì bị Công an xã T mời làm việc. Tại Cơ quan Công an Của thừa nhận hành vi của mình.

Tại Bản kết luận định giá về tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C định giá và kết luận: xe gắn máy biển số 64AC-096.85 tại thời điểm bị mất trộm có giá trị tài sản là 5.000.000đ.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trao trả xe gắn máy cùng giấy đăng ký xe biển số 64AC-096.85 và giấy căn cước công dân cho Nguyễn Hoàng Trọng P, hiện P đã nhận lại xe, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Phạm Văn C.

Đối với Nguyễn Thị Bích N1 và Nguyễn Thị O1 không biết xe do C lấy trộm, nên không xem xét xử lý

Tại Cáo trạng số: 46/CT-VKS-CT ngày 14/7/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Phạm Văn C Phan Thanh N2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong phần tranh luận giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 91, Điều 101 và Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn C với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: không có

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo; thống nhất hình phạt Kiểm sát viên đề nghị, tuy nhiên mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Về phía bị hại đã nhận tại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm và bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, ăn năn và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ cơ sở kết luận: khoảng 18 giờ ngày 18/01/2023, bị cáo lấy trộm xe máy biển số 64AC-096.85 của Nguyễn Hoàng Trọng P, sinh ngày 01/3/2007, khi xe để trước sân nhà của anh Tống Văn C2 thuộc ấp T, xã T, huyện C; xe trị giá 5.000.000đ.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều

173 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhưng có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng cố tình thực hiện, với mong muốn lấy trộm xe để làm phương tiện đi lại. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, do vậy cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt.

[4] Về nhân thân bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ở địa phương bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị bị cáo mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ý kiến phát biểu của người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại; Hội đồng xét xử xét thấy hình phạt tù có thời hạn cho hưởng án treo phù hợp khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố, đã xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là người chưa thành niên. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi, hình phạt đối với bị cáo chủ yếu là nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ cho bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh; do đó chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại điều 101 Bộ luật hình sự, mà quyết định áp dụng hình phạt quy định tại Điều 100 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương cùng gia đình giáo dục, cải tạo bị cáo tại cộng đồng, để bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đã đủ răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: không có

[8] Về án phí: Bị cáo và chị Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột bị cáo) cùng liên đới chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn C3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 36, Điều 91 và Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C3 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C nhận được Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp giám sát giáo dục bị cáo trong thời hạn cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C3 và chị Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột bị cáo) cùng liên đới nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và người đại diện;
- Người bào chữa;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- THADS huyện Châu Thành;
- Sở tư pháp;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lê Thanh Mai